TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2023
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Na R, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp C , xã H , huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Đường N3, Ngã tư Đ , xã L , huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

* *Bị đơn:* Anh Sơn Thái N , sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp N , xã V , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2022 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Lý Thị Na R trình bày:

Chị Lý Thị Na R và anh Sơn Thái N kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H , huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2015. Trong thời gian kết hôn, vợ chồng có 02 con chung là cháu Sơn Thái N1 (nam) sinh ngày 25/4/2007 và cháu Sơn Niềm V (nam) sinh ngày 28/01/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hiện nay vợ chồng không còn sống chung.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay chị R yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Lý Thị Na R yêu cầu được ly hôn với anh Sơn Thái N .

- Về con chung: Chị Lý Thị Na R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là cháu Sơn Thái N1 (nam) sinh ngày 25/4/2007 và cháu Sơn Niềm V (nam) sinh ngày 28/01/2013 đến đủ khi cháu N1 và cháu V thành niên theo nguyện vọng của hai cháu. Chị R không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị Na R khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị R giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của chị Lý Thị Na R và anh Sơn Thái N ; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao Sổ hộ khẩu của của chị Lý Thị Na R ; bản sao Giấy khai sinh của cháu Sơn Thái N1 và cháu Sơn Niềm V .

Bị đơn anh Sơn Thái N trình bày: Anh Sơn Thái N thống nhất lời trình bày của chị Lý Thị Na R là giữa anh với chị R kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H , huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2015. Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Sơn Thái N1 (nam) sinh ngày 25/4/2007 và cháu Sơn Niềm V (nam) sinh ngày 28/01/2013.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng không còn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Sơn Thái N đồng ý ly hôn với chị Lý Thị Na R .

- Về con chung: Anh Sơn Thái N đồng ý giao cho chị Lý Thị Na R được tiếp

tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Sơn Thái N1 (nam) sinh ngày 25/4/2007 và cháu Sơn Niềm V (nam) sinh ngày 28/01/2013 đến khi cháu N1 và cháu V thành niên theo nguyện vọng của hai cháu; anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Sơn Thái N khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị Na R khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Sơn Thái N và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị Lý Thị Na R được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của 02 (hai) cháu Sơn Thái N1 và Sơn Niềm V cũng như lời trình bày của các bên đương sự; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Ry và anh Nê về việc kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H , huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2015 và vợ chồng đã có 02 (hai) con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị R và anh N đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay anh, chị đã không còn lòng tin và tình yêu thương lẫn nhau; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau lao động để nuôi dạy con chung. Như vậy, chị R và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị R được ly hôn với anh N .

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Sơn Thái N1 (nam) sinh ngày 25/4/2007 và cháu Sơn Niềm V (nam) sinh ngày 28/01/2013 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Đồng thời chị R cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung cho đến đủ 18 tuổi. Về phía anh N , cũng đồng ý giao cho chị R được trực tiếp nuôi hai con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị R được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Sơn Thái N1 (nam) sinh ngày 25/4/2007 và cháu Sơn Niềm V (nam) sinh ngày 28/01/2013 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của hai con; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị R về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con

Các đương sự tiếp tục khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị R phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lý Thị Na R được ly hôn với anh Sơn Thái N .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Lý Thị Na R được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Sơn Thái N1 (nam) sinh ngày 25/4/2007 và cháu Sơn Niềm V (nam) sinh ngày 28/01/2013 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của hai con. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị R , về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị Lý Thị Na R nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của 02 (hai) cháu Sơn Thái N1 và Sơn Niềm V , chị R có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh N có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lý Thị Na R phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001086 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; chị Ry đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Anh Sơn Thái N có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; chị Lý Thị Na R có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã H , H. Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.